



HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – ĐỖ THỊ NGUYỆT – GIANG THIỀN VŨ

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

SÁCH GIÁO VIÊN

10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HUỲNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – ĐỖ THỊ NGUYỆT – GIANG THIÊN VŨ

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

SÁCH GIÁO VIÊN

10

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	3
PHẦN MỘT: NHỮNG LƯU Ý CHUNG VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10.....	4
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ.....	16
CHUYÊN ĐỀ 1: TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH	16
Bài 1: Tình yêu.....	16
Bài 2: Hôn nhân.....	22
Bài 3: Gia đình.....	28
CHUYÊN ĐỀ 2: MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ	37
Bài 4: Khái quát chung về mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	37
Bài 5: Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.....	48
CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ	57
Bài 6: Khái quát về pháp luật hình sự.....	57
Bài 7: Một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên phạm tội	69

Lời nói đầu

Sách giáo viên Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 là tài liệu hướng dẫn cách tổ chức dạy học cho sách Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, bộ Chân trời sáng tạo. Sách gồm hai phần:

Trong *Phần một: Những lưu ý chung về nội dung và phương pháp dạy học Chuyên đề học tập giáo dục kinh tế và pháp luật 10*, sách trình bày khái quát về chương trình môn học; mục tiêu và quan điểm biên soạn *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*; cấu trúc và bảng mô tả ma trận chuyên đề/ bài học cùng những định hướng và lưu ý khi dạy học *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các chuyên đề, sách hướng dẫn cách tổ chức thực hiện dạy học từng chuyên đề học tập.

- Chuyên đề 1: *Tình yêu, hôn nhân, gia đình* (kí hiệu: 10.1)
- Chuyên đề 2: *Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ* (kí hiệu: 10.2)
- Chuyên đề 3: *Một số vấn đề về pháp luật hình sự* (kí hiệu: 10.3)

Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng chuyên đề/ bài học gồm các mục chính: *Mục tiêu* (yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất); *Thiết bị dạy học và học liệu*; *Tiến trình dạy học và Đánh giá cuối bài học*. Những nội dung hướng dẫn của phần hai là sự triển khai cụ thể mục tiêu, quan điểm dạy học chuyên đề học tập của Chương trình môn GD&CD năm 2018, đồng thời bám sát yêu cầu cần đạt của từng chuyên đề/ bài học.

Trên tinh thần chia sẻ những gợi ý mang tính chất định hướng phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học, *Sách giáo viên Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* tôn trọng tính chủ động, sáng tạo của giáo viên. Hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn đồng hành cùng quý thầy cô, là điểm tựa kiến tạo nên những cảm xúc, tình cảm tích cực đối với môn học.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

NHỮNG LƯU Ý CHUNG VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

I. Khái quát về chương trình môn học, mục tiêu và quan điểm biên soạn Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

1.1. Tổng quan chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

– Vị trí của môn học: Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được ban hành, Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân.

– Tên môn học: Tên môn Giáo dục công dân ở Tiểu học là Đạo đức, ở Trung học cơ sở là Giáo dục công dân và ở Trung học phổ thông là Giáo dục kinh tế và pháp luật. Mỗi cấp học ngoài những điểm chung còn có đặc trưng riêng phù hợp với mục tiêu và trình độ từng cấp học được mô tả trong môn học một cách cụ thể, chi tiết.

– Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12), môn Giáo dục kinh tế và pháp luật có tầm quan trọng đặc biệt:

Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của HS; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở mỗi lớp 10, 11, 12, những HS có định hướng theo học các ngành giáo dục chính trị, giáo dục công dân, kinh tế, hành chính, pháp luật,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

1.2. Mục tiêu và quan điểm biên soạn các Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Ở cấp Trung học phổ thông, Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi;

mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của HS; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Nội dung môn học mang tính ứng dụng và thiết thực với cuộc sống, gắn liền với hoạt động kinh tế – xã hội hằng ngày. Những hình ảnh, video clip về mô hình sản xuất kinh doanh, các tình huống pháp luật có thật,... là những ngữ liệu phong phú để giáo viên (GV) dạy học.

Đảm bảo tinh thần Chuẩn mực, Khoa học, Hiện đại, sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* được biên soạn nhằm giúp các HS lớp 10 đáp ứng tốt các yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của chương trình GD&CD 2018. Cụ thể là:

– Khi hoàn thành chuyên đề 10.1, HS sẽ trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc, qua đó xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình và thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

– Khi hoàn thành chuyên đề 10.2, HS sẽ nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể, từ đó có thể lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. Qua chuyên đề này, khơi gợi nơi HS niềm yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; giúp HS chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.

– Khi hoàn thành chuyên đề 10.3, HS sẽ nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự và nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên. Qua đó, nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp; nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản, thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự; giáo dục HS tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh giúp HS phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai. GV cần kết hợp sử dụng phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng những phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận

nhóm; đóng vai; dự án;... chính những đặc trưng về phương pháp dạy học môn học tạo điều kiện cho GV có thể ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy học. Nhằm giải quyết nhiều tình huống thực tiễn, GV có thể kết hợp dạy học trực tiếp với trực tuyến hoặc áp dụng phương pháp dạy học đảo ngược nhằm tăng hiệu quả hoạt động với sự hỗ trợ của các công cụ phần mềm như Goole Classroom, Microsoft Team giúp HS đạt được YCCĐ của môn học, hình thành phẩm chất, phát triển năng lực trong các bối cảnh khác nhau.

II. Chuỗi chuyên đề/ bài học của Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

1. Danh mục chuyên đề

Trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, lớp 10 có 3 chuyên đề:

- Chuyên đề 1: Tình yêu, hôn nhân, gia đình.
- Chuyên đề 2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.
- Chuyên đề 3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự.

2. Hệ thống bài học của Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Từ các chuyên đề đã quy định trong chương trình, các bài học được thao tác hoá cho phù hợp với năng lực HS lớp 10 và một số định hướng của sách phát triển phẩm chất, năng lực như sau:

**Bảng 1. Mô tả hệ thống bài học của Chuyên đề học tập
Giáo dục kinh tế và pháp luật 10**

TT	Tên chuyên đề	TT	Tên bài học
1	Tình yêu, hôn nhân, gia đình	1	Tình yêu
		2	Hôn nhân
		3	Gia đình
2	Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	4	Khái quát chung về mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ
		5	Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ
3	Một số vấn đề về pháp luật hình sự	6	Khái quát về pháp luật hình sự
		7	Một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên phạm tội

III. Ma trận chuyên đề/ bài học và YCCĐ của Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Ma trận chuyên đề/ bài học và YCCĐ của Chuyên đề học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 được mô tả qua bảng sau:

**Bảng 2. Ma trận chuyên đề/ bài học và YCCĐ của
Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10**

Tên bài học	Số tiết	Nội dung	YCCĐ về chuyên môn	Năng lực môn học	Năng lực chung	Phẩm chất	Tư liệu/ ngữ liệu/ hình ảnh
CHUYÊN ĐỀ 1. TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH							
Bài 1. Tình yêu	3	<p>Tiết 1, 2: Hình thành – phát triển kiến thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được thế nào là tình yêu chân chính. – Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành. Định hướng thực hiện một số điều cần tránh trong tình yêu. <p>Tiết 3: Thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Rèn luyện. – Viết bài báo cáo trong toạ đàm về chủ đề “Làm thế nào để xây dựng tình yêu chân chính”. – Thiết kế sản phẩm tuyên truyền. 	<p>Trình bày được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.</p>	<p>Năng lực điều chỉnh hành vi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Năng lực tự chủ và tự học. – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 	<p>Trách nhiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thông tin. – Hình ảnh, tranh vẽ. – Trường hợp, tình huống.

Bài 2. Hôn nhân	3	<p>Tiết 1, 2: Hình thành – phát triển kiến thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm hôn nhân. – Các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. – Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành. <p>Những đặc điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.</p> <p>Tiết 3: Thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Rèn luyện. – Thiết kế sản phẩm tuyên truyền. – Sân khấu hoá thể hiện pháp luật về hôn nhân của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. – Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay. 	Năng lực điều chỉnh hành vi.	<ul style="list-style-type: none"> – Năng lực tự chủ và tự học. – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 	Trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> – Thông tin. – Hình ảnh, tranh vẽ. – Trường hợp, tình huống.
Bài 3. Gia đình	4	<p>Tiết 1, 2, 3: Hình thành – phát triển kiến thức .</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm gia đình. – Các chức năng của gia đình. – Đặc điểm cơ bản của chế độ gia đình ở nước ta hiện nay. – Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành. <p>Các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình. – Nêu được những điểm cơ bản của chế độ gia đình ở nước ta hiện nay. – Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc. 	Năng lực điều chỉnh hành vi.	<ul style="list-style-type: none"> – Năng lực tự chủ và tự học. – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 	Trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> – Thông tin. – Hình ảnh, tranh vẽ. – Trường hợp, tình huống.

		<p>Tiết 4: Thực hành – Rèn luyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình. – Viết bài về những việc làm của bản thân để xây dựng gia đình hạnh phúc. 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình. – Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình. 				
CHUYÊN ĐỀ 2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ							
Bài 4. Khái quát chung về mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	7	<p>Tiết 1, 2, 3, 4, 5: Hình thành – phát triển kiến thức.</p> <p>Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.</p> <p>Tiết 6: Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành.</p> <p>Mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.</p> <p>Tiết 7: Thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Rèn luyện. – Viết bài luận giới thiệu về doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. – Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. 	<p>Năng lực điều chỉnh hành vi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Năng lực tự chủ và tự học. – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 	<p>Trách nhiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thông tin. – Hình ảnh, tranh vẽ. – Trường hợp, tình huống.

		<ul style="list-style-type: none"> - Viết cảm nhận về một tấm gương khởi nghiệp thành công. 					
Bài 5. Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp nhỏ	8	<p>Tiết 1, 2, 3, 4: Hình thành – phát triển kiến thức.</p> <p>Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.</p> <p>Tiết 5, 6: Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành.</p> <p>Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.</p> <p>Tiết 7, 8: Thực hành. – Rèn luyện. Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. - Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. - Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp. 	Năng lực điều chỉnh hành vi.	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tự chủ và tự học. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 	Trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin. - Hình ảnh, tranh vẽ. - Trường hợp, tình huống. - Sơ đồ.

CHUYÊN ĐỀ 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Bài 6. Khái quát về pháp luật hình sự	4	<p>Tiết 1, 2: Hình thành – Phát triển kiến thức.</p> <p>Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam. 	Năng lực điều chỉnh hành vi.	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực tự chủ và tự học. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. 	Trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin. - Hình ảnh, tranh vẽ. - Trường hợp, tình huống.
--	---	--	--	------------------------------	---	-------------	--

		<p>Tiết 3: Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành</p> <p>Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.</p> <p>Tiết 4: Thực hành – Rèn luyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự. – Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp. – Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự. – Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự. 			
Bài 7. Một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên phạm tội	6	<p>Tiết 1,2: Hình thành – phát triển kiến thức.</p> <p>Nêu được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>Tiết 3,4: Hình thành – phát triển kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên phạm tội. – Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản thường gặp. 			

		<p>Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản thường gặp.</p> <p>Tiết 5: Phát triển kiến thức – Định hướng thực hành.</p> <p>Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự.</p> <p>Tiết 6: Thực hành – Rèn luyện</p> <p>Tích cực, chủ động vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự. - Tích cực, chủ động vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự. 			
--	--	--	--	--	--	--

IV. ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC THEO SÁCH CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

Khi sử dụng sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*, trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học, GV cần chú ý thêm một số điểm sau:

– Sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* khai thác kênh chữ và kênh hình với nhiều tính chất, nội dung, chức năng đa dạng. GV cần hiểu được tính chất, nội dung, chức năng của từng hình ảnh, chuỗi hình ảnh để có hướng khai thác một cách chính xác và hiệu quả nhất.

– Sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* sử dụng câu hỏi ở các mức độ khác nhau, GV cần phân biệt tính chất, độ khó của câu hỏi và chủ động quan

sát lớp học để kịp thời gợi ý, hỗ trợ HS trả lời, không để HS bị áp lực khi khám phá nội dung bài học và không để lớp rơi vào những khoảng trống nặng nề.

– Sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* có khai thác một số hoạt động sắm vai giúp HS luyện tập thực hành. GV cần chủ động tổ chức để HS có sự chuẩn bị (hoặc gợi mở HS tự chuẩn bị) về đạo cụ, trang phục, không gian,... để các hoạt động dạy học có thể diễn ra nhanh gọn, an toàn và hấp dẫn, đúng mục tiêu.

– Sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* có một số hoạt động thảo luận, chia sẻ. GV cần chú ý đến việc linh hoạt trong cách chia nhóm; theo dõi và phát triển các quan hệ giao tiếp, hợp tác cũng như các biểu hiện của sự nhường nhịn, hòa nhã; khuyến khích HS để xuất và trao đổi, lựa chọn cách xử lí đối với một số tình huống cụ thể, gần gũi với đời sống và phù hợp với HS để quá trình dạy học đồng thời đạt được nhiều mục tiêu.

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*, căn cứ vào YCCĐ của chương trình, GV hoàn toàn có thể chủ động, sáng tạo trong việc mở rộng, thay thế một số phương thức khác của một vài hoạt động trong chuyên đề/ bài học trên tinh thần đúng YCCĐ, phù hợp với đặc điểm HS, đảm bảo tương thích với chủ đề và đạt hiệu quả dạy học cao nhất như mong đợi.

V. MỘT SỐ LƯU Ý KHI DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

1. Nhận thức và thực hiện đúng bản chất của từng hoạt động trong tiến trình bài học để vận dụng linh hoạt, phù hợp với HS

*** Hoạt động giới thiệu bài mới**

GV cần có sự đầu tư hợp lý bởi hoạt động này có tác dụng trong việc:

- Tạo tâm thế học tập, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.
- Trang bị cho HS những nhận thức ban đầu về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

*** Tổ chức các hoạt động học tập**

– Giúp HS lanh lợi được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân hình thành phẩm chất và năng lực của người học.

– Trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập, GV sẽ giúp HS xây dựng kiến thức mới của bản thân (đổi chiều kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/ sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/ khái niệm/ công thức mới,...).

*** Sơ kết chuyên đề**

– Giúp HS đạt được YCCĐ của từng chuyên đề.

– GV sẽ yêu cầu HS làm các bài tập cụ thể giống như bài tập trong bước hình thành kiến thức để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/ vấn đề trong học tập,...

* **Dận dò, bài tập về nhà**

- Dận dò yêu cầu HS chuẩn bị bài mới.
- Giao nhiệm vụ cho HS vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/ vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.
- GV cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

2. Hiểu và thực hiện đúng ý nghĩa của các hình thức hoạt động trong dạy học

* **Hoạt động cá nhân**

- Là hoạt động yêu cầu HS thực hiện các bài tập/ nhiệm vụ một cách độc lập.
- Hoạt động cá nhân tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS, nhằm yêu cầu khám phá, sáng tạo. GV cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nó giúp nhận thức của HS sâu sắc và chắc chắn.

* **Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm**

- Là những hoạt động nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng.
- Hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/ nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 HS. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...
- Hoạt động nhóm (từ 3 HS trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng thiên về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

* **Hoạt động chung cả lớp**

- Khi HS có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều HS không thể vượt qua, GV có thể dùng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi.
- Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: giải quyết những vấn đề mà các nhóm không giải quyết được, nghe GV hướng dẫn chung; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HS luyện tập thuyết trình trước tập thể lớp;...
- Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

3. Hướng dẫn thực hiện đúng tiến trình hoạt động nhóm

– Thứ nhất, làm việc cá nhân: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động thảo luận trong nhóm.

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, HS có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ GV hỗ trợ.

– Thứ hai, làm việc chung cả nhóm: Trong các giờ học của chuyên đề luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Chẳng hạn:

+ Sau khi HS tự đọc một đoạn tư liệu, hay quan sát tranh ảnh,... trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về nội dung cần khai thác của tư liệu, tranh ảnh đó;

+ Sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả làm việc, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về nội dung kiến thức, nội dung kênh hình, tư liệu,... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo, điều quan trọng là HS cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

4. Nhận thức và thực hiện đúng việc ghi nhớ

Căn cứ nội dung học tập, GV chỉ chốt ghi nhớ của nội dung đã học khi thấy việc chốt là cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động tiếp theo. Hình thức chốt ghi nhớ: GV nên hướng dẫn để HS chốt thông qua phần ghi nhớ; GV chỉ hỗ trợ trong trường hợp HS của cả lớp không thể chốt ghi nhớ.

5. Nhận thức đúng việc ghi bài của HS thông qua phần ghi nhớ của từng chuyên đề

GV hướng dẫn HS lựa chọn nội dung trong chuyên đề và kết quả thảo luận để ghi tóm tắt vào vở theo cách diễn đạt của HS. Nói chung, GV không nên đọc cho HS ghi bài, không yêu cầu HS chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu. HS có thể ghi nháp sau hoàn thiện trước khi ghi vào vở.

PHẦN HAI
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC CHUYÊN ĐỀ
CHUYÊN ĐỀ 1. TÌNH YÊU,
HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH

BÀI
1

TÌNH YÊU
(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Trình bày được thể nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

– Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù): Trình bày được thể nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các chuẩn mực đạo đức xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV.*
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; dùng những kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung: Em hãy nghe bài hát và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm để nêu ra đáp án của nhóm mình.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

+ GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm tình yêu.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin trong mục 1, trang 5 trong *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10* (CĐHT) và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được khái niệm tình yêu chân chính.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm và yêu cầu đọc các thông tin tại mục 1 trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:

+ Tình yêu của Lệ Thu và Ngọc Bảo có gì đặc biệt? Tình yêu đó được biểu hiện như thế nào?

+ Em có cảm nhận như thế nào về tình yêu của 2 nhân vật trong thông tin trên?

+ Em quan niệm như thế nào về tình yêu?

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định các nhóm trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm tình yêu chân chính.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được thế nào là tình yêu chân chính.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc đoạn thông tin trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:

+ Nêu những biểu hiện trong tình yêu của 2 nhân vật trong trường hợp trên.

+ Cho biết tình yêu của anh T và chị S có phải tình yêu chân chính không. Giải thích vì sao.

+ Trình bày cách hiểu của em về tình yêu chân chính.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Tình yêu chân chính là một dạng tình cảm đặc biệt của 2 người, có sự hoà hợp về nhiều mặt, làm cho họ có nhu cầu gần gũi, gắn bó với nhau.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc lá thư và thực hiện theo yêu cầu**

a. Mục tiêu: Trình bày được một số điều cần tránh trong tình yêu chân chính.

b. Nội dung: HS đọc lá thư và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được một số điều cần tránh trong tình yêu chân chính.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc lá thư trong CĐHT và thực hiện yêu cầu.

+ Nêu những điều cần tránh trong tình yêu mà người mẹ nhắc nhở con gái trong lá thư trên.

+ Cho biết suy nghĩ của em về những ý kiến của người mẹ trong lá thư.

+ Nêu những điều cần tránh trong tình yêu ở lứa tuổi HS trung học phổ thông.

– Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV kết luận.

+ GV dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Một tình yêu chân chính cần có những biểu hiện sau: chân thành, tôn trọng, vị tha, chung thuỷ. Luôn tôn trọng tình cảm của mình nhưng cần tinh táo và cẩn trọng để thực hiện một số điều cần tránh trong tình yêu như:

- + Ngộ nhận: tình yêu một chiều, luôn “ảo tưởng” về tình cảm của người khác dành cho mình.
- + Yêu vội: vội vã dấn thân vào một mối quan hệ yêu đương khi chưa thật sự sẵn sàng và dành thời gian tìm hiểu nhu cầu, sở thích của nhau.
- + Không rõ ràng trong tình cảm: không dứt khoát và rõ ràng về việc yêu ai và cảm xúc của bản thân có phải là tình yêu hay không.
- + Yêu nhiều người cùng lúc: dễ dãi, không tôn trọng và đùa giỡn với tình cảm của người khác khi cùng một lúc thiết lập mối quan hệ lứa đôi với nhiều người.
- + Quan hệ tình dục sớm, không an toàn: quan hệ tình dục trước 18 tuổi và thiếu sự tìm hiểu về các biện pháp tránh thai an toàn, cũng như thiếu kiến thức về giới tính.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng bạn và cho biết ý kiến về các nhận định*

a. **Mục tiêu:** HS xác định được thế nào là tình yêu chân chính.

b. **Nội dung:** HS đọc các câu nhận định và trả lời.

c. **Sản phẩm:** HS trả lời và đưa ra giải thích về các nhận định.

d. **Tổ chức thực hiện:**

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS chuẩn bị, suy nghĩ và đưa ra ý kiến.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► *Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu*

a. **Mục tiêu:** HS xác định được các biểu hiện của tình yêu chân chính.

b. **Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

c. **Sản phẩm:** HS sử dụng được kiến thức để xác định được các biểu hiện của tình yêu chân chính.

d. **Tổ chức thực hiện:**

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi đọc các trường hợp và xác định những biểu hiện của tình yêu chân chính.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm đọc, trao đổi về các trường hợp.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi các nhóm thực hiện yêu cầu. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1. Sự thẳng thắn, không bao che cho khuyết điểm của nhau.

+ Trường hợp 2. Chia sẻ, cảm thông, đồng hành cùng nhau.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và xác định những điều cần tránh trong tình yêu**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được một số điều cần tránh trong tình yêu.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các trường hợp và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định được những điều cần tránh trong tình yêu.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, tìm và đọc trường hợp trong CĐHT để giải quyết các trường hợp.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và xác định các điều cần tránh trong tình yêu.

– Tổ chức, điều hành: Một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: Yêu nhiều người, không chung thủy.

+ Trường hợp 2: Tự ti trong tình yêu.

+ Trường hợp 3: Yêu “vội”, yêu để khoả lấp nỗi nhớ người yêu cũ.

► **Nhiệm vụ 4. Xử lí tình huống**

a. Mục tiêu: HS nhận diện một số điều cần tránh trong tình yêu.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và xử lí tình huống.

c. Sản phẩm: HS xác định được một số điều cần tránh trong tình yêu.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm và đọc tình huống trong CĐHT và xử lí tình huống.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

– Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Dự thảo ý kiến làm thế nào để xây dựng tình yêu chân chính**

a. Mục tiêu: HS trình bày được các biện pháp xây dựng tình yêu chân chính.

b. Nội dung: Thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trình bày được các biện pháp để xây dựng tình yêu chân chính.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và thiết kế một sản phẩm về nội dung được yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình. Các bạn khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của HS khác. GV kết luận, đánh giá.

►Nhiệm vụ 2. Vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt về biểu hiện của tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được các biểu hiện của tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

b. Nội dung: HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt các biểu hiện của tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện sơ đồ tư duy.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.

– Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS trình bày sơ đồ tư duy của mình.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên mức độ: Trình bày được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.

**BÀI
2**

**HÔN NHÂN
(3 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.
- Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

- + Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.
- + Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV.*
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; dùng những kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Tạo ra môi trường thuận lợi cho HS, cho biết các tổ chức được đề cập trong phần Mở đầu.

b. Nội dung: Em hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:
 - + Sau khi đăng kí kết hôn, mối quan hệ giữa anh A và chị B được gọi là gì?
 - + Vì sao anh A và chị B phải đăng kí kết hôn?
- Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi HS để trình bày ý kiến của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

- + Sau khi đăng kí kết hôn, mối quan hệ giữa anh A và chị B là quan hệ vợ chồng.
- + Anh A và chị B phải đăng kí kết hôn để pháp luật bảo vệ quyền và nghĩa vụ trong hôn nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu*

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm hôn nhân.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin trong mục 1, trang 12 CĐHT và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được khái niệm hôn nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho các nhóm và yêu cầu đọc các thông tin tại mục 1 trong CĐHT và thực hiện yêu cầu:
 - + Nêu kết quả của tình yêu chân chính giữa Ngọc Bảo và Lệ Thu.
 - + Cho biết thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng giữa Ngọc Bảo và Lệ Thu.
 - + Chia sẻ quan niệm của em về hôn nhân.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho các nhóm trả lời từng câu hỏi.
 - + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
- Tổ chức, điều hành:
 - + GV gọi đại diện các nhóm trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình. GV có thể dựa vào kết quả quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ để mời theo tinh thần xung phong hoặc chỉ định các nhóm trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- + Kết quả của tình yêu chân chính giữa Ngọc Bảo và Lệ Thu là tiến tới hôn nhân. Họ đăng kí kết hôn và tổ chức đám cưới.
- + Thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa Ngọc Bảo và Lệ Thu là đăng kí kết hôn.

Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nêu được quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp trong CĐHT và thực hiện yêu cầu:

+ Cho biết các trường hợp trên có phải hôn nhân hợp pháp không. Giải thích vì sao.

+ Nêu những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn khác mà em biết.

- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.

- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

+ Trường hợp 1: Không phải là hôn nhân hợp pháp vì hai nhân vật chưa đủ tuổi kết hôn (tảo hôn) thuộc trường hợp cấm kết hôn ở nước ta.

+ Trường hợp 2: Không phải là hôn nhân hợp pháp vì đây là kết hôn giả vì mục đích cá nhân thuộc trường hợp cấm kết hôn ở nước ta.

Những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn như kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Trình bày được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân của nước ta.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân của nước ta.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi:

- + Em hiểu thế nào là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ? Cho ví dụ.
- + Hôn nhân của 2 nhân vật trong trường hợp trên có gì đặc biệt? Để hôn nhân bền chặt, 2 nhân vật đã làm như thế nào?
- Tổ chức, điều hành: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

- + Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là mỗi bên tự mình quyết định việc kết hôn và thể hiện ý chí mong muốn làm vợ chồng của nhau.
 - + Những đặc điểm cơ bản của chế độ hôn nhân nước ta hiện nay: Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng các bạn và cho biết ý kiến về các phát biểu**

- a. Mục tiêu:** HS xác định được thế nào là hôn nhân.
- b. Nội dung:** HS đọc các câu nhận định và trả lời.
- c. Sản phẩm:** HS trả lời và đưa ra giải thích về các nhận định.
- d. Tổ chức thực hiện:**

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS chuẩn bị, suy nghĩ và đưa ra ý kiến.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các ý kiến và cho biết quan điểm của bản thân**

- a. Mục tiêu:** HS xác định được các quy định của pháp luật về hôn nhân.
- b. Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.
- c. Sản phẩm:** HS sử dụng được kiến thức để xác định được các quy định của pháp luật về hôn nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, đọc ý kiến và cho biết quan điểm cá nhân.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm đọc, trao đổi về các ý kiến.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi các nhóm thực hiện yêu cầu. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

- + Đồng ý và có giải thích (b, e).
- + Không đồng ý và có giải thích (a, c, d, đ).

► **Nhiệm vụ 3. Đọc và nhận xét về các nhận định**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các trường hợp và thực hiện theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta.

d. Tổ chức thực hiện:

+ Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, tìm và đọc trường hợp trong CĐHT để giải quyết các trường hợp.

+ Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và xác định các điều cần tránh trong tình yêu.

+ Tổ chức, điều hành: Một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

+ Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 4. Xác định trường hợp được kết hôn và lí giải**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS xác định được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp trong CĐHT và thực hiện yêu cầu: Xác định các cặp đôi trong các trường hợp có được kết hôn không. Vì sao?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi.

- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: Không được kết hôn vì ông V là người có gia đình, chưa li hôn bà A.

+ Trường hợp 2: Không được kết hôn vì pháp luật quy định "không được kết hôn với người mất năng lực hành vi dân sự".

+ Trường hợp 3: Được kết hôn vì thoả mãn đủ các điều kiện kết hôn theo luật định.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Thiết kế áp phích tuyên truyền**

a. Mục tiêu: HS xác định được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đặc điểm của chế độ hôn nhân ở nước ta.

b. Nội dung: HS thiết kế áp phích tuyên truyền các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đặc điểm của chế độ hôn nhân ở nước ta.

c. Sản phẩm: Áp phích tuyên truyền.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện thiết kế áp phích tuyên truyền các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đặc điểm của chế độ hôn nhân ở nước ta.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.

– Báo cáo thảo luận: GV mời một vài HS trình bày áp phích.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

►Nhiệm vụ 2. Xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm ngắn thể hiện sự tiến bộ trong pháp luật về hôn nhân của Việt Nam

a. Mục tiêu: HS xác định được các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đặc điểm của chế độ hôn nhân ở Việt Nam.

b. Nội dung: Xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: Tiểu phẩm thể hiện sự tiến bộ trong pháp luật về hôn nhân của Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận, xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm ngắn thể hiện sự tiến bộ trong pháp luật về hôn nhân của Việt Nam.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình. Các bạn khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của HS khác. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.

– Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.

**BÀI
3**

**GIA ĐÌNH
(4 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng, những điểm cơ bản của chế độ gia đình ở nước ta hiện nay.
- Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.
- Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình.
- Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (đặc thù):

- + Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng, những điểm cơ bản của chế độ gia đình ở nước ta hiện nay;
- + Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc;
- + Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình;
- + Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV.*
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; dùng những kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Tạo ra mâu thuẫn trong nhận thức đối với HS, cho biết các tổ chức được đề cập trong phần mở đầu.

b. Nội dung: Em hãy thực hiện các yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm thi đua thực hiện các yêu cầu.

+ Tìm các câu ca dao, tục ngữ nói về tình cảm gia đình.

+ Nêu trách nhiệm của các thành viên trong gia đình được thể hiện qua các câu ca dao, tục ngữ đó.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

+ GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

►Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm gia đình.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin trong mục 1, trang 17 trong CĐHT và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được khái niệm gia đình.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS và yêu cầu đọc các thông tin tại mục 1 trong CĐHT và thực hiện yêu cầu.

+ Nêu các quan hệ cơ bản trong gia đình.

+ Chia sẻ cách hiểu của em về khái niệm gia đình.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi HS trả lời và các bạn trong lớp nhận xét ý kiến trả lời của bạn mình.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Gợi ý trả lời: Các quan hệ trong gia đình: quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống.

Gia đình là một cộng đồng người gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau.

► **Nhiệm vụ 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: Nêu được chức năng của gia đình.

b. Nội dung: HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được chức năng của gia đình.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh trong CĐHT và thực hiện yêu cầu: Nêu chức năng của gia đình trong 4 tranh.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho nhóm HS quan sát tranh và ghi ra các chức năng của gia đình tương ứng.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV các nhóm trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Các chức năng của gia đình:

+ Duy trì nòi giống;

+ Tổ chức đời sống gia đình;

+ Kinh tế;

+ Nuôi dưỡng, giáo dục, hình thành nhân cách.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và thực hiện theo yêu cầu**

a. Mục tiêu: Trình bày được những điểm cơ bản về chế độ gia đình ở nước ta.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS biết được những điểm cơ bản về chế độ gia đình ở nước ta.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong CĐHT và thực hiện yêu cầu.

+ Xác định những điểm cơ bản của chế độ gia đình trong trường hợp trên.

+ Cho ví dụ về những biện pháp mà Nhà nước đã làm để thể hiện tính ưu việt của chế độ gia đình ở nước ta.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Những điểm cơ bản của chế độ gia đình ở nước ta hiện nay được quy định trong khoản 3, 4, 5 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau:

+ Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con;

+ Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch gia đình;

+ Kế thừa, phát huy truyền thống văn hoá, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.

b. Nội dung: HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

+ Đâu là các yếu tố cần để xây dựng gia đình hạnh phúc được nêu trong thông tin trên?

+ Em đã làm gì để thể hiện trách nhiệm của bản thân trong xây dựng gia đình hạnh phúc?

– Thực hiện nhiệm vụ:

- + GV tổ chức cho HS làm việc. Cặp đôi HS đọc thông tin, suy nghĩ câu trả lời.
- + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
- Tổ chức, điều hành: GV mời các cặp đôi trả lời câu hỏi. Các cặp đôi khác nhận xét.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc: sự tôn trọng giữa các thành viên; cùng hợp tác với nhau; chấp nhận những khác biệt cũng như thừa nhận những cái riêng của nhau.

► **Nhiệm vụ 5. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu**

- a. Mục tiêu:** Trình bày được trách nhiệm giữa vợ và chồng.
- b. Nội dung:** HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về trách nhiệm giữa vợ và chồng.
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
 - + Nêu trách nhiệm của vợ, chồng khi bước vào cuộc sống gia đình qua lời khuyên của người cha gửi đến con gái và con rể trong lá thư.
 - + Chia sẻ cách hiểu của em về câu “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”.
 - Thực hiện nhiệm vụ:
 - + GV tổ chức cho HS làm việc. Cặp đôi HS đọc thông tin, suy nghĩ câu trả lời.
 - + Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.
 - Tổ chức, điều hành: GV mời các cặp đôi trả lời câu hỏi. Các cặp đôi khác nhận xét.

Giữa vợ và chồng: thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

► **Nhiệm vụ 6. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

- a. Mục tiêu:** Xác định được trách nhiệm của cha mẹ với con cái, con cái với cha mẹ.
- b. Nội dung:** HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** HS biết được trách nhiệm của cha mẹ với con cái, con cái với cha mẹ.
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp trong CĐHT và trả lời câu hỏi: Trách nhiệm của anh T đối với con cái được thể hiện như thế nào? Em có

nhận xét gì khi anh T cho rằng: "Người cha nào rơi vào hoàn cảnh ấy cũng làm như tôi thôi"?

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS trả lời từng câu hỏi.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Trách nhiệm của cha mẹ với con cái, con cái với cha mẹ.

+ Giữa cha mẹ và con cái: thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội; trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

+ Giữa con cái với cha mẹ: có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

► *Nhiệm vụ 7. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi*

a. **Mục tiêu:** Trình bày được trách nhiệm giữa ông bà với các cháu.

b. **Nội dung:** HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về trách nhiệm giữa ông bà với các cháu.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

- Trong trường hợp trên, trách nhiệm của ông bà được thể hiện như thế nào?

- P đã làm gì thể hiện trách nhiệm của cháu đối với ông bà?

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV tổ chức cho HS làm việc. Cặp đôi HS đọc thông tin, suy nghĩ câu trả lời.

+ Trong quá trình HS đọc thông tin, GV quan sát HS làm việc và hỗ trợ khi cần thiết, đồng thời ghi lại những HS tích cực, những HS chưa thực sự tích cực để điều chỉnh.

- Tổ chức, điều hành: GV mời các cặp đôi trả lời câu hỏi. Các cặp đôi khác nhận xét.

- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

Trách nhiệm giữa ông bà với các cháu.

+ Giữa ông bà và các cháu: Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại,...

+ Ngoài ra, còn có trách nhiệm giữa anh, chị, em với nhau: thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng các bạn và cho biết ý kiến của em về các phát biểu**

a. **Mục tiêu:** HS xác định được trách nhiệm của các thành viên trong gia đình.

b. **Nội dung:** HS đọc các câu nhận định và trả lời.

c. **Sản phẩm:** HS trả lời và đưa ra giải thích về các nhận định.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc ý kiến và thực hiện theo yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS chuẩn bị, suy nghĩ và đưa ra ý kiến.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và trình bày ý kiến**

a. **Mục tiêu:** HS xác định được trách nhiệm của các thành viên trong gia đình.

b. **Nội dung:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp và trình bày ý kiến.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho các nhóm đọc, trao đổi về các trường hợp.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi các nhóm thực hiện yêu cầu. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi**

a. **Mục tiêu:** HS xác định được trách nhiệm của các thành viên trong gia đình và các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.

b. Nội dung: HS đọc tình huống và xử lí tình huống.

c. Sản phẩm: HS xác định được trách nhiệm của các thành viên trong gia đình và các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm và đọc tình huống trong CĐHT và trả lời câu hỏi:

+ Em có suy nghĩ gì về câu trả lời từ chị của Y?

+ Nếu là Y, em sẽ nói gì với chị của mình?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và trả lời các câu hỏi.

– Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► *Nhiệm vụ 1. Vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt về trách nhiệm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái trong gia đình*

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được trách nhiệm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái trong gia đình.

b. Nội dung: HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt trách nhiệm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái trong gia đình.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện:

+ Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện sơ đồ tư duy.

+ Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ do GV đưa ra.

+ Tổ chức, điều hành: GV mời một vài HS trình bày sơ đồ tư duy của mình.

+ Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► *Nhiệm vụ 2. Thực hiện bài viết ngắn thuyết trình những việc đã làm của bản thân để xây dựng gia đình hạnh phúc*

a. Mục tiêu: HS trình bày được những việc đã làm của bản thân để xây dựng gia đình hạnh phúc.

b. Nội dung: Thực hiện bài viết ngắn về nội dung được yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trình bày được những việc đã làm của bản thân để xây dựng gia đình hạnh phúc.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm và yêu cầu HS thực hiện bài viết ngắn về nội dung được yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các bạn khác nhận xét, góp ý.
 - Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của nhóm khác. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

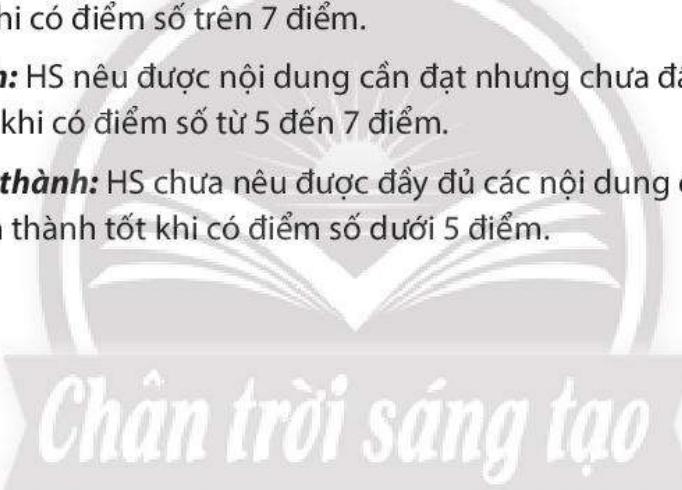
Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng, những điểm cơ bản của chế độ gia đình ở nước ta hiện nay.
- Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.
- Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình.
- Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.



Chân trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ 2.

MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ

**BÀI
4**

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.
- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực đặc thù:

Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội:

- + Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.
- + Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Nghiên cứu các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ, chuẩn bị cho tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV.*
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. HS quan sát những hình ảnh và huy động vốn hiểu biết của bản thân để liệt kê các hoạt động sản xuất kinh doanh được mô tả trong các tranh cũng như một số lĩnh vực kinh doanh mà em biết.

b. Nội dung: HS quan sát tranh và liệt kê các hoạt động sản xuất kinh doanh được mô tả trong các tranh cũng như một số lĩnh vực kinh doanh mà em biết.

c. Sản phẩm: HS liệt kê các hoạt động sản xuất kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, quan sát các hình ảnh trong CĐHT và liệt kê các hoạt động sản xuất kinh doanh được mô tả trong các tranh cũng như một số lĩnh vực kinh doanh mà em biết. HS có thể thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu các hình ảnh lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV có thể chiếu các hình ảnh trong CĐHT lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy quan sát tranh và liệt kê các hoạt động sản xuất kinh doanh được mô tả trong các tranh cũng như một số lĩnh vực kinh doanh mà em biết.

- Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 4 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ GV khuyến khích HS có thể có nhiều ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện bài tập.

+ HS có thể chia sẻ những hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán.

- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

►*Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: HS nêu được các căn cứ để xác định một doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ, khái niệm về doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: Dựa vào bảng thông tin và trường hợp ở sách chuyên, HS để nêu được căn cứ phân loại doanh nghiệp nhỏ, xác định được doanh nghiệp A có phải doanh nghiệp nhỏ, khái niệm của doanh nghiệp nhỏ.

c. Sản phẩm: HS nêu được các căn cứ để xác định một doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ, khái niệm về doanh nghiệp nhỏ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS.

+ GV yêu cầu HS chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm sẽ trả lời 1 câu hỏi, mỗi nhóm chuẩn bị học liệu gồm giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin và trao đổi ở CĐHT, sau đó thảo luận câu hỏi của nhóm mình.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin, trao đổi thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu. Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên có bối cảnh lên giấy như sơ đồ hoặc bức tranh.

- Tổ chức điều hành:

+ GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.

+ Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

+ Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện; thuyết trình sản phẩm.

- Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời: Công ty A là doanh nghiệp nhỏ vì:

+ Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ,

+ Lao động chính thức là 40 người thỏa mãn yếu tố trên 10 người và dưới 100 người.

Căn cứ xác định doanh nghiệp nhỏ:

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng:

+ Lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân lớn hơn 10 người và không quá 100 người;

+ Tổng doanh thu lớn hơn 3 tỉ và không quá 50 tỉ;

+ Hoặc tổng vốn lớn hơn 3 tỉ nhưng không quá 20 tỉ.

- Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ:
 - + Lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân lớn hơn 10 người và không quá 50 người;
 - + Tổng doanh thu lớn hơn 10 tỉ và không quá 100 tỉ;
 - + Hoặc tổng vốn lớn hơn 3 tỉ nhưng không quá 50 tỉ.

► *Nhiệm vụ 2. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi*

a. Mục tiêu: Phân loại được các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: HS xem tranh và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS phân loại được các lĩnh vực kinh doanh.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, xem tranh và trả lời câu hỏi.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu hình ảnh lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV chiếu hình ảnh trong CDHT lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy xem tranh và phân loại các lĩnh vực kinh doanh.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời:

+ Ảnh 1 là lĩnh vực nông nghiệp;

+ Ảnh 2 là lĩnh vực thuỷ sản;

+ Ảnh 3 là lĩnh vực thủ công mĩ nghệ;

+ Ảnh 4 là lĩnh vực công nghiệp;

+ Ảnh 5 là lĩnh vực thương mại.

► *Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu*

a. Mục tiêu: HS nêu lĩnh vực, các đặc điểm, thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: Dựa vào bảng trường hợp 1, 2, 3, 4 ở CĐHT, HS cho biết lĩnh vực, các đặc điểm, thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.

c. Sản phẩm: HS nêu lĩnh vực, các đặc điểm, thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS.

+ GV yêu cầu HS chia 4 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị học liệu gồm giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin trong CĐHT, sau đó thảo luận các câu hỏi của trường hợp được giao trong CĐHT.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin, trao đổi thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu.

+ Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên có bố cục như một bức tranh.

- Trao đổi, thảo luận:

+ GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật phòng tranh, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình.

+ Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận.

+ Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện; thuyết trình sản phẩm.

- Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí và cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời:

Trường hợp 1: Lĩnh vực công nghiệp.

+ Thuận lợi: Linh hoạt theo xu hướng thời trang, mẫu mã, chất liệu và kĩ thuật.

+ Chăm sóc khách hàng chu đáo.

+ Tối đa hóa được nhân sự, tài chính, nguyên vật liệu.

+ Hạn chế sai sót, thất thoát.

+ Đưa ra quyết định trong quản lí nhanh chóng.

Trường hợp 2: Lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản.

- + Chính sách vay vốn cho doanh nghiệp vùng sâu, vùng xa.
- + Linh động trong việc thay đổi mô hình, nâng cao mô hình.
- + Chủ động đầu tư tranh thiết bị, máy móc nguyên vật liệu.

Trường hợp 3:

- + Quy mô nhỏ, vốn ít, chưa có nhiều chi phí đầu tư nghiên cứu, thuê nhân lực giỏi.
- + Khó vay vốn.

Trường hợp 4:

- + Tìm nhân sự giỏi.
- + Tài chính giới hạn.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nhận biết được mục tiêu sản xuất kinh doanh đúng đắn và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trình bày mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc trường hợp và nêu được mục tiêu sản xuất kinh doanh đúng đắn và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu trường hợp lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV chiếu trường hợp trong CĐHT lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc trường hợp, nêu được mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan đến hai mô hình sản xuất kinh doanh dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

Gợi ý trả lời: Mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp K:

- + Lợi nhuận phải đi cùng chất lượng sản phẩm tốt, không chạy theo lợi nhuận trước mắt.
- + Nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - * Bên trong: đội ngũ nhân viên giỏi và tâm huyết, quyết tâm của anh K, đưa ra các chương trình hiệu quả, đầu tư dây chuyền công nghệ, cơ cấu tổ chức quản lý hiệu quả.
 - * Bên ngoài: khách hàng, đối thủ cạnh tranh.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS đưa ra được những đặc điểm để nhận định doanh nghiệp nhỏ, nếu được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

b. Nội dung: Dựa vào trường hợp của CĐHT và những đặc điểm để nhận định doanh nghiệp nhỏ, nếu được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được những đặc điểm để nhận định doanh nghiệp nhỏ, nếu được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc trường hợp và đưa ra được những đặc điểm để nhận định doanh nghiệp nhỏ, nếu được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV chiếu trường hợp lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV chiếu trường hợp trong CĐHT lên máy chiếu để tất cả HS trong lớp cùng theo dõi tập trung.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em hãy đọc trường hợp, nếu được mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

– Tổ chức điều hành:

+ GV mời đại diện 2 đến 3 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình.

+ HS có thể đưa ra nhận xét hoặc các thông tin liên quan đến hai mô hình sản xuất kinh doanh dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...

Gợi ý trả lời: Đây là doanh nghiệp nhỏ vì:

+ Số lượng nhân viên lớn hơn 10 và nhỏ hơn 100.

+ Doanh thu nhỏ hơn 50 tỉ.

+ Khó khăn và thuận lợi:

* Khó khăn: Gặp trở ngại trong việc vay vốn.

* Thuận lợi: Doanh nghiệp nhỏ nên việc trao đổi thông tin và đưa ra các chính sách trong quản lý chính xác, kịp thời huy động vốn từ thành viên, treo giải cho nhân viên.

► **Nhiệm vụ 2. Xác định lĩnh vực kinh doanh thích hợp trong các trường hợp**

a. Mục tiêu: HS xác định được lĩnh vực kinh doanh thích hợp trong các trường hợp.

b. Nội dung: Dựa vào bảng trường hợp ở CĐHT xác định được lĩnh vực kinh doanh thích hợp trong các trường hợp.

c. Sản phẩm: HS xác định được lĩnh vực kinh doanh thích hợp trong các trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS.

+ GV yêu cầu HS chia 4 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị học liệu gồm giấy A0, bút dạ các màu, giấy màu, kéo, băng dính theo yêu cầu (GV đã nhắc HS chuẩn bị từ trước khi đến lớp).

+ GV yêu cầu các nhóm đọc và dựa vào bảng trường hợp để xác định được lĩnh vực kinh doanh thích hợp trong các trường hợp.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp, trao đổi và thảo luận để thể hiện sản phẩm theo yêu cầu.

+ Hoàn thành sản phẩm theo ý tưởng của các thành viên có bố cục lên giấy như sơ đồ hoặc bức tranh.

- Trao đổi, thảo luận:

GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm, sau đó mời đại diện từng nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm cùng quan sát sản phẩm của từng nhóm ở trong lớp, lắng nghe phần thuyết trình của từng nhóm và trao đổi, thảo luận. Các nhóm tự đánh giá và đánh giá sản phẩm của các nhóm khác dựa trên các tiêu chí: Nội dung, hình thức thể hiện; thuyết trình sản phẩm.

- Kết luận, đánh giá:

+ GV nhận xét đánh giá sản phẩm và ý thức thái độ của từng nhóm khi thực hiện hoạt động.

+ GV có thể xây dựng các phiếu đánh giá theo tiêu chí, sau đó cho HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Gợi ý trả lời:

- + Trường hợp 1: nhà hàng;
- + Trường hợp 2: nhà máy xay bột, ngũ cốc;
- + Trường hợp 3: xây dựng nhà yến;
- + Trường hợp 4: mở trang web, phần mềm bán kinh doanh thương mại điện tử.

►Nhiệm vụ 3. Đưa ra nhận định về nhân vật trong tình huống

a. Mục tiêu: HS đưa ra được quan điểm và nhận định của bản thân về nhân vật trong tình huống.

b. Nội dung: Đưa ra được quan điểm và nhận định của bản thân về nhân vật trong tình huống.

c. Sản phẩm: Quan điểm và nhận định của bản thân về nhân vật trong tình huống.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút hãy cho biết quan điểm của bản thân về nhân vật trong tình huống.

– Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV đưa yêu cầu lên máy chiếu và mời HS trả lời.

+ GV đưa ra yêu cầu: Em đồng tình với quan điểm của nhân vật nào trong tình huống? Vì sao?

– Tổ chức điều hành: GV mời đại diện 3 đến 4 HS trả lời, cho các bạn có quan điểm khác nhau tranh luận với nhau và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình. HS có thể đưa ra nhận xét hoặc bổ sung liên quan dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận.

►Nhiệm vụ 4. Đọc nội dung, thảo luận cùng bạn và chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành của doanh nghiệp

a. Mục tiêu: Chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành của doanh nghiệp.

b. Nội dung: Đọc nội dung, thảo luận cùng bạn và chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành của doanh nghiệp.

c. Sản phẩm: Chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành của doanh nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trong thời gian 2 phút, đọc trường hợp và chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành của doanh nghiệp.

– Thực hiện nhiệm vụ:

- + GV chiếu trường hợp và yêu cầu bằng máy chiếu và mời HS trả lời.
- + GV đưa ra yêu cầu: Chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành của doanh nghiệp.
- Tổ chức điều hành: GV mời đại diện 3 đến 4 HS trả lời và các bạn khác nhận xét câu trả lời của bạn mình. HS có thể đưa ra nhận xét hoặc bổ sung liên quan dựa trên sự hiểu biết của mỗi cá nhân có được nhờ sự quan sát và suy đoán...
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến, bổ sung, khen ngợi những mô hình kinh tế hay và phù hợp, gợi ý cho các bạn các mô hình kinh tế phù hợp với từng HS và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu và viết bài chia sẻ về một doanh nghiệp nhỏ**

- a. Mục tiêu:** HS quan sát và tìm hiểu doanh nghiệp nhỏ để tạo ra nhiều năng lượng tích cực, sự yêu thích dành cho doanh nghiệp nhỏ.
- b. Nội dung:** Một bài viết chia sẻ về doanh nghiệp (gợi ý: lĩnh vực kinh doanh, thuận lợi, khó khăn, nhân tố ảnh hưởng, những đóng góp cho xã hội,...).
- c. Sản phẩm:** Bài viết chia sẻ về doanh nghiệp nhỏ.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ:

- + GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà.
- + Mỗi HS sẽ lựa chọn nhiều nội dung trong bài, hình ảnh, sơ đồ, chữ viết,... để thể hiện bài.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- Trao đổi, thảo luận: HS trưng bày sản phẩm trang trí ở trên lớp. Các bạn cùng quan sát sản phẩm và nhận xét sản phẩm của từng bạn, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.

► **Nhiệm vụ 2. Viết cảm nhận về một tấm gương khởi nghiệp thành công**

- a. Mục tiêu:** HS quan sát và tìm hiểu tấm gương khởi nghiệp thành công để tạo ra năng lượng tích cực về vấn đề khởi nghiệp.
- b. Nội dung:** Một bài viết cảm nhận về một tấm gương khởi nghiệp thành công mà em biết.
- c. Sản phẩm:** Bài viết cảm nhận về một tấm gương khởi nghiệp thành công.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ:

- + GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ này trên lớp hoặc ở nhà.
- + Mỗi HS sẽ lựa chọn nhiều nội dung trong bài, hình ảnh, sơ đồ, chữ viết,... để thể hiện bài.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- Trao đổi, thảo luận: HS trưng bày sản phẩm trang trí ở trên lớp. Các bạn cùng quan sát sản phẩm và nhận xét sản phẩm của từng bạn, chia sẻ những điều mình học tập được từ sản phẩm của các bạn trong lớp.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết hoạt động, động viên, khích lệ và có thể trao phần thưởng cho những sản phẩm xuất sắc.

VI. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.
- Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.

**BÀI
5**

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ (8 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.
- Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.
- Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Giao tiếp và hợp tác: biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động kinh tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.

- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội (đặc thù):

+ Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

+ Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể; yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện đúng trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV.*
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS. Giúp HS huy động kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá tri thức mới.

b. Nội dung: Quan sát các tranh và chia sẻ hiểu biết của em về quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

c. Sản phẩm: HS chia sẻ những hiểu biết của mình về quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. Ví dụ: Gieo trồng cà phê => Sản xuất, chế biến, đóng gói hạt cà phê => Thành lập công ty, cửa hàng kinh doanh dịch vụ quán cà phê hoặc bán các sản phẩm từ cà phê...

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV đặt vấn đề trước lớp, yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết của mình về tín dụng.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV tổng kết, đánh giá và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► *Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu*

a. Mục tiêu: HS biết được quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: Đọc thông tin trong CĐHT và xác định quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ.

c. Sản phẩm: HS xác định được quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ dựa trên nội dung của thông tin trong CĐHT.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong CĐHT và xác định quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc thông tin và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS xung phong phát biểu câu trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và rút ra nội dung về quy trình thành lập một doanh nghiệp nhỏ.

Quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ gồm các bước:

- + Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục thành lập công ty và nộp hồ sơ lên Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư trực thuộc nơi doanh nghiệp đặt địa chỉ công ty.
- + Làm con dấu pháp nhân.
- + Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử quốc gia.
- + Đăng ký tài khoản ngân hàng cho công ty.
- + Mua chữ ký số theo đúng quy định.
- + Đặt làm bảng hiệu công ty.
- + Kê khai và nộp tờ kê khai thuế môn bài đúng quy định.
- + Khi đã có giấy phép kinh doanh, chủ doanh nghiệp tiến hành tổ chức, hoạt động doanh nghiệp.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong CĐHT và thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ từ trường hợp trong CĐHT.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong CĐHT và thực hiện yêu cầu.
 - + Yêu cầu 1: Nêu các bước tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty K.
 - + Yêu cầu 2: Cho biết quy trình hoạt động của Công ty K kể từ khi ông P chính thức thành lập công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

- + Đầu tiên, thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn K và chuẩn bị các hồ sơ pháp lý, năng lực tài chính cần thiết để hoạt động doanh nghiệp. Sau đó, để có thể tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ doanh nghiệp cần chuẩn bị các yếu tố đầu vào (mua sắm các trang thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, thuê mặt bằng kinh doanh, nhân viên,...) đảm bảo cho quá trình hoạt động của doanh nghiệp.
- + Sau khi ông P thành lập công ty và đảm bảo các yếu tố đầu vào để Công ty K có thể vận hành được, ông cho tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của

công ty (sản xuất và kinh doanh bánh kẹo). Ở giai đoạn hoạt động tiếp theo, ông phát triển các chiến lược kinh doanh để giải quyết đầu ra cho sản phẩm và tăng doanh thu cho công ty.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS biết cách phân tích bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong CĐHT và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS biết cách phân tích bài học thành công, thất bại của doanh nghiệp nhỏ.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp trong CĐHT và trả lời câu hỏi.

+ Trong cùng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện thoại, vì sao Công ty V thành công nhưng Công ty H lại trên bờ vực phá sản?

+ Theo em, khi phân tích bài học thành công, thất bại của một doanh nghiệp nhỏ cần lưu ý những gì?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS đọc trường hợp và suy nghĩ câu trả lời.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 3 – 5 HS trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đưa ra câu trả lời phù hợp và kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Công ty V thành công vì luôn đặt trải nghiệm của người tiêu dùng lên hàng đầu. Những giá trị về sự đơn giản, thanh lịch và sáng tạo luôn được thống nhất từ đội ngũ nhân viên cho đến các sản phẩm. Các dòng sản phẩm của công ty có chất lượng rất cao, không có lỗi. Cuối cùng là sự đồng lòng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và đường lối chỉ đạo đúng đắn của ban lãnh đạo.

Mặt khác, với Công ty H, sự thất bại bắt đầu từ mâu thuẫn của ban lãnh đạo. Công ty đã xem nhẹ các đối thủ cạnh tranh và không chịu thích ứng, đổi mới. Công ty không nắm bắt được nhu cầu của thị trường nên đã bỏ lỡ cơ hội để phát triển.

+ Khi phân tích bài học thành công, thất bại của một doanh nghiệp nhỏ cần lưu ý:

– Phân tích các ưu điểm dẫn đến sự thành công hoặc mặt tích cực của thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

– Phân tích các hạn chế trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

– Phân tích các cơ hội dẫn đến thành công cũng như cơ hội trong sự thất bại của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

– Phân tích các thách thức, rủi ro mà doanh nghiệp phải đương đầu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Bày tỏ ý kiến**

a. Mục tiêu: HS xác định được quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ phù hợp.

b. Nội dung: HS đồng tình hay không đồng tình với các nhận định trong CĐHT và lí giải vì sao.

c. Sản phẩm: HS bày tỏ được ý kiến của mình về các nhận định về quy trình thành lập doanh nghiệp nhỏ và lí giải được vì sao chọn ý kiến đó.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các nhận định và bày tỏ ý kiến của mình, đồng thời lí giải vì sao.

+ Nhận định a. Đồng tình vì đây là quy trình chuẩn bị để đăng ký xin giấy phép kinh doanh cho một doanh nghiệp nhỏ.

+ Nhận định b. Không đồng tình vì thiếu thao tác công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử quốc gia.

+ Nhận định c. Đồng tình vì đây là quy trình đăng ký xin giấy phép kinh doanh.

+ Nhận định d. Không đồng tình vì không đúng quy định của pháp luật. Chủ doanh nghiệp chỉ được phép tổ chức, hoạt động doanh nghiệp sau khi được cấp giấy phép kinh doanh.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS hoạt động cá nhân, suy nghĩ thực hiện yêu cầu.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 6 – 8 HS xung phong phát biểu câu trả lời.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, tổng kết những ý kiến phù hợp.

► **Nhiệm vụ 2. Tư vấn**

a. Mục tiêu: HS xác định được các hồ sơ, giấy tờ cần thiết để thành lập doanh nghiệp nhỏ và quy trình hoạt động doanh nghiệp.

b. Nội dung: Đọc trường hợp và tư vấn các giấy tờ, hồ sơ cần thiết để thành lập công ty và các việc cần làm sau khi thành lập.

c. Sản phẩm: HS tư vấn được các giấy tờ, hồ sơ cần thiết để thành lập công ty và các việc cần làm sau khi thành lập.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc trường hợp, suy nghĩ và tư vấn về quy trình hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và thực hiện. Có thể chia nhóm để HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ này.

– Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS hoặc đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp.

- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

+ Trường hợp 1: T cần chuẩn bị:

* Các giấy tờ, hồ sơ đăng ký xin giấy phép kinh doanh: Giấy đề nghị được cấp phép đăng ký doanh nghiệp, CMND/CCCD, danh sách các thành viên góp vốn, nội quy công ty. Trong trường hợp T và các bạn không tự xoay sở được 2 tì còn lại để đủ vốn điều lệ thì T và các bạn nên vay tín dụng từ ngân hàng để đủ nguồn vốn điều lệ; Làm con dấu pháp nhân; công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử quốc gia; đăng ký tài khoản ngân hàng cho công ty; Mua chữ ký số theo đúng quy định; đặt làm bảng hiệu công ty; kê khai và nộp tờ kê khai thuế môn bài đúng quy định.

* Các việc cần làm sau khi thành lập: Mua mèo giống về để nuôi và nhân giống, chuẩn bị thức ăn và các đồ dùng nuôi mèo khác. Chuẩn bị và truyền thông về hình ảnh của công ty để tiếp cận với khách hàng...

+ Trường hợp 2: Ông A cần chuẩn bị:

* Các giấy tờ, hồ sơ đăng ký xin giấy phép kinh doanh: Giấy đề nghị được cấp phép đăng ký doanh nghiệp, CMND/CCCD, danh sách các thành viên góp vốn, nội quy công ty; Làm con dấu pháp nhân; công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử quốc gia; đăng ký tài khoản ngân hàng cho công ty; Mua chữ ký số theo đúng quy định; đặt làm bảng hiệu công ty; kê khai và nộp tờ kê khai thuế môn bài đúng quy định.

* Các việc cần làm sau khi thành lập: Chọn mặt bằng để mở 10 cửa hàng ở khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh và tuyển dụng nhân sự cho các cửa hàng này (mỗi cửa hàng gồm 1 quản lý, 5 nhân viên, 1 lao công và 1 bảo vệ). Sau đó, ông A tiến hành sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc kinh doanh đồ thủ công mĩ nghệ. Khi đã đảm bảo quá trình hoạt động, các cửa hàng sẽ đi vào hoạt động, kinh doanh các sản phẩm làng nghề truyền thống.

+ Trường hợp 3: Bà H cần chuẩn bị:

* Các giấy tờ, hồ sơ đăng ký xin giấy phép kinh doanh: Giấy đề nghị được cấp phép đăng ký doanh nghiệp, CMND/CCCD, danh sách các thành viên góp vốn, nội quy công ty; Làm con dấu pháp nhân; công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử quốc gia; đăng ký tài khoản ngân hàng cho công ty; Mua chữ ký số theo đúng quy định; đặt làm bảng hiệu công ty; kê khai và nộp tờ kê khai thuế môn bài đúng quy định.

* Các việc cần làm sau khi thành lập: Về nhân sự vận hành, công ty bà H cần nhất các nhân sự có chuyên môn về truyền thông để xây dựng hình ảnh, thương hiệu cho doanh nghiệp nên bà H cần đảm bảo các nhân sự này. Sau đó mới tiến hành tuyển dụng các nhân sự làm công tác giảng dạy còn lại (50 – 70 nhân sự). Khi

đã đảm bảo về nhân sự, bà H sẽ tập trung vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp là triển khai đào tạo kỹ năng sống ở các trường học và phát triển công ti.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu: HS phân tích được bài học thành công của doanh nghiệp được đề cập.

b. Nội dung: Đọc trường hợp trong CĐHT và cho biết em học hỏi được điều gì từ bài học thành công của doanh nghiệp được đề cập.

c. Sản phẩm: HS phân tích được bài học thành công từ câu chuyện thành công của doanh nghiệp trong trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống, thảo luận và thực hiện yêu cầu.

Lưu ý: GV khuyến khích, gợi mở cho HS chia sẻ bài học kinh nghiệm mà các em học được, tập trung ở thái độ yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh và chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp. Đặc biệt tập trung ở việc phân tích các thành công của doanh nghiệp của chị H: thế mạnh/ thuận lợi, hạn chế, cơ hội, thách thức.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV chia nhóm cho HS thảo luận về trường hợp, thực hiện yêu cầu và trình bày trước lớp.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

► **Nhiệm vụ 4. Nhận xét**

a. Mục tiêu: HS thể hiện ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình về sự yêu thích, chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.

b. Nội dung: Đọc các ý kiến trong CĐHT và nêu ý kiến của em.

c. Sản phẩm: HS phát biểu được ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình về sự yêu thích, chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc các ý kiến, thảo luận và thực hiện yêu cầu.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV chia nhóm cho HS thảo luận về các ý kiến, thực hiện yêu cầu và trình bày trước lớp.

– Tổ chức, điều hành: GV mời các nhóm HS trình bày.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và rút ra kết luận phù hợp.

Gợi ý trả lời:

+ Ý kiến của HS A: Không đồng tình vì chưa hiểu đầy đủ về các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là những hoạt động phù hợp lứa tuổi.

+ Ý kiến của HS B: Đồng tình vì có thái độ tích cực với việc học hỏi, phát triển trải nghiệm nghề nghiệp, rèn luyện các kỹ năng xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tuổi HS.

+ Ý kiến của HS C: Không đồng tình vì không có thái độ tiếp thu, học hỏi từ các bài học kinh doanh của các doanh nghiệp khác và quá dựa dẫm, phụ thuộc tài chính vào bố mẹ.

+ Ý kiến của HS D: Đồng tình vì thể hiện tinh thần học hỏi, cầu thị và tiếp thu các bài học thành công, thất bại về khởi nghiệp ở Việt Nam để rút kinh nghiệm cho bản thân trong tương lai.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► *Nhiệm vụ 1. Báo cáo*

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu và báo cáo về quy trình tổ chức, hoạt động của một doanh nghiệp tại địa phương sinh sống.

b. Nội dung: Tìm hiểu và báo cáo nhanh quy trình tổ chức, hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ đang hoạt động ở nơi em sinh sống theo gợi ý:

- Mục tiêu, quy trình thành lập, tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp.
- Phân tích bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó.

c. Sản phẩm: Bài báo cáo trong giấy A4 (hoặc giấy tập).

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu và viết báo cáo theo yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và giải đáp cho HS một số thắc mắc có liên quan. Sau đó, triển khai cho HS thực hiện theo nhóm trong thời hạn 1 tuần.
 - Tổ chức, điều hành: GV cho HS thực hiện nhiệm vụ này trong 1 tuần (nên giao trước tiết cuối của bài này) và cho HS báo cáo vào tiết cuối.
 - Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

► *Nhiệm vụ 2. Khởi nghiệp*

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để lập quy trình tổ chức, hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ.

b. Nội dung: HS lập được quy trình tổ chức, hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ cho ý tưởng kinh doanh của mình.

c. Sản phẩm: Quy trình tổ chức, hoạt động của một doanh nghiệp nhỏ cho ý tưởng kinh doanh của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ về ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh của mình trong tương lai. Sau đó lập quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp đó.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS thuyết trình sản phẩm.
- Kết luận, đánh giá: GV mời các HS khác góp ý cho sản phẩm của bạn HS trình bày và GV là người đúc kết, nhận xét chung.

► **Nhiệm vụ 3. Truyền động lực**

a. Mục tiêu: HS sưu tầm được những câu châm ngôn truyền động lực của các doanh nhân thành đạt cũng như bài học thành công, thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong, ngoài nước.

b. Nội dung: Sưu tầm những câu châm ngôn truyền động lực của các doanh nhân thành đạt cũng như bài học thành công, thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong, ngoài nước.

c. Sản phẩm: Những câu châm ngôn truyền động lực của các doanh nhân thành đạt cũng như bài học thành công, thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong, ngoài nước.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu của hoạt động này.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.
- Tổ chức, điều hành: GV chia nhóm cho HS thực hiện và trình bày sản phẩm của nhóm mình trong thời gian quy định. Lưu ý: Ở tiết này, GV có thể cho phép HS sử dụng các ứng dụng công nghệ, hoặc wifi để tìm kiếm, sưu tầm; hoặc có thể giao trước nhiệm vụ này cho HS chuẩn bị theo nhóm và trình bày ở tiết cuối.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận toàn bài.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.
- Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.
- Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.

CHUYÊN ĐỀ 3.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ

VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

**BÀI
6**

KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.
- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.
- Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự.
- Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện và giải quyết được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi:

+ Nhận thức chuẩn mực hành vi: nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.

+ Điều chỉnh hành vi: Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

+ Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV*, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; dùng những kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Tạo ra môi trường thuận lợi cho HS, trả lời câu hỏi được đề cập trong phần mở đầu.

b. Nội dung: Quan sát hình ảnh và cho biết hành vi nào vi phạm pháp luật hình sự.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung của bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm để nêu ra đáp án của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá:

- + GV nhận xét các ý kiến và kết luận.
- + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khám phá.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

► **Nhiệm vụ 1. Đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nêu được khái niệm pháp luật hình sự.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp trong mục a trong CĐHT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp mục a trong CĐHT để trả lời câu hỏi:
 - + Em có đồng tình với câu trả lời của A? Vì sao?
 - + Theo em, pháp luật hình sự quy định về vấn đề gì?
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận, dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

– Pháp luật hình sự là hệ thống quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm và quy định trách nhiệm hình sự đối với chủ thể thực hiện tội phạm

– Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nêu được dấu hiệu của tội phạm và phân loại được tội phạm.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, tình huống trong mục b phần tội phạm trong CĐHT.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc đoạn thông tin b phần tội phạm trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:

+ Theo em, người bị coi là tội phạm hình sự cần có những dấu hiệu vi phạm pháp luật như thế nào?

+ Tội phạm được chia thành mấy loại?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV cho 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và kết luận.

– Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ mà theo quy định phải bị xử lý hình sự.

– Theo pháp luật hình sự Việt Nam, hành vi bị coi là tội phạm được phân biệt với những hành vi không phải là tội phạm qua các dấu hiệu sau:

+ Tính nguy hiểm cho xã hội: Là dấu hiệu cơ bản, quan trọng nhất, quyết định những dấu hiệu khác của tội phạm. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được xác định qua tầm quan trọng của các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ bị hành vi đó xâm hại. Hậu quả thiệt hại do hành vi đó gây ra hoặc đe doạ gây ra cho xã hội càng lớn, càng nghiêm trọng thì tội phạm đó có tính nguy hiểm càng cao.

+ Tính có lỗi: Lỗi là thái độ chủ quan của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình gây ra và đối với hậu quả của hành vi đó thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý.

+ Tính trái pháp luật hình sự: Một hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ có thể bị coi là tội phạm nếu hành vi đó được quy định trong Bộ luật Hình sự. Tính trái pháp luật hình sự là dấu hiệu bắt buộc phải có của tội phạm.

+ Tính chịu hình phạt: Là hậu quả của hành vi phạm tội. Không có tội phạm thì không có hình phạt.

- Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:

+ Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

+ Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;

+ Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;

+ Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

- Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nhận biết được năng lực trách nhiệm hình sự.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp trong mục b phần năng lực trách nhiệm hình sự CĐHT.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các trường hợp mục b phần năng lực trách nhiệm hình sự trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:

- + M và K có phải chịu trách nhiệm hình sự không? Vì sao?
- + Theo em, dựa vào tiêu chí/ đặc điểm nào để xác định năng lực trách nhiệm hình sự?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một vài nhóm trình bày nội dung thảo luận.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm còn lại nhận xét, kết luận và dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

– Năng lực trách nhiệm hình sự là khả năng nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội và khả năng điều khiển được hành vi của một người.
 – Năng lực trách nhiệm hình sự được xác định dựa vào độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của người thực hiện hành vi.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nhận biết được trách nhiệm hình sự.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp trong mục b, phần trách nhiệm hình sự trong CĐHT.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc trường hợp b phần trách nhiệm hình sự trong CĐHT để thực hiện các yêu cầu:

- + Cho biết vì sao Q bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - + Em hãy nêu một số ví dụ về trách nhiệm hình sự của cá nhân.
 - Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
 - Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến, kết luận và qua hoạt động khác.

Trách nhiệm hình sự là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu do hành vi tội phạm của mình.

► **Nhiệm vụ 5. Đọc trường hợp của anh Q nêu trên và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nhận biết được hình phạt.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp của anh Q và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp của anh Q trong CĐHT để trả lời câu hỏi:
 - + Tòa án nhân dân Huyện N xác định tội danh của anh Q nhằm mục đích gì?
 - + Theo em, hình phạt 2 năm tù đối với anh Q có phải là sự trùng phạt của pháp luật không? Vì sao?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS làm việc.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một vài HS trình bày ý kiến của mình. Các bạn khác bổ sung ý kiến.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

– Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của người, pháp nhân thương mại đó.

– Mục đích của hình phạt là để trừng trị người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới, cải tạo, giáo dục họ thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Đồng thời, hình phạt còn răn đe con người không được phạm tội, góp phần giáo dục công dân tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

– Bộ luật Hình sự quy định các loại hình phạt sau:

+ Hình phạt chính bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

+ Hình phạt bổ sung bao gồm: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền; trục xuất. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

►Nhiệm vụ 6. Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu: Nêu được các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

b. Nội dung: HS đọc các thông tin, trường hợp trong mục 2 trong CĐHT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS làm việc nhóm theo sự phân công như sau:

+ Nhóm 1: Nguyên tắc pháp chế.

Câu hỏi nhóm 1:

* Nguyên tắc pháp chế là gì? Nguyên tắc này được thể hiện trong Bộ luật Hình

sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như thế nào?

* Theo em, trong trường hợp nêu trên bà B có bị xử lí hình sự hay không? Tại sao?

+ Nhóm 2: Nguyên tắc bình đẳng.

Câu hỏi nhóm 2:

* Nguyên tắc bình đẳng được quy định trong Hiến pháp và Bộ luật Hình sự như thế nào?

* Em có đồng tình với câu trả lời của tuyên truyền viên không? Tại sao?

+ Nhóm 3: Nguyên tắc dân chủ.

Câu hỏi nhóm 3:

* Nguyên tắc dân chủ là gì? Nguyên tắc này được biểu hiện như thế nào?

* Theo em, trong trường hợp trên bà A đã thực hiện quyền gì của mình? Việc đóng góp ý kiến của A thể hiện nội dung nào của nguyên tắc dân chủ?

+ Nhóm 4: Nguyên tắc nhân đạo.

Câu hỏi nhóm 4: Theo em, tại sao B lại được hưởng án treo? Điều này thể hiện nguyên tắc gì của Luật Hình sự Việt Nam?

+ Nhóm 5: Nguyên tắc hành vi.

Câu hỏi nhóm 5: Tại sao tội phạm phải được biểu hiện dưới dạng hành vi cụ thể?

+ Nhóm 6: Nguyên tắc có lỗi.

Câu hỏi nhóm 6:

* Theo em, trường hợp nào trong các trường hợp trên người thực hiện hành vi có lỗi?

* Đối với trường hợp không có lỗi, theo em có phải là tội phạm không? Vì sao?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

- Báo cáo thảo luận: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

– Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự Việt Nam bao gồm:

+ Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa của pháp luật Hình sự Việt Nam thể hiện ở việc tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Luật Hình sự trong truy cứu trách nhiệm hình sự bảo đảm đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Chỉ được kết tội bằng tội danh được quy định trong Luật Hình sự, chỉ được tuyên hình phạt trong khung hình phạt mà Bộ luật Hình sự quy định;

+ Nguyên tắc bình đẳng thể hiện mọi người đều bình đẳng trước pháp luật hình sự, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội;

- + Nguyên tắc dân chủ được hiểu là Luật Hình sự bảo vệ các quyền dân chủ của mọi người trong các mặt của đời sống xã hội, kiên quyết xử lý những hành vi xâm phạm quyền dân chủ của công dân; bảo đảm quyền tham gia xây dựng pháp luật hình sự, giám sát thi hành, đấu tranh, phòng chống tội phạm của người dân;
- + Nguyên tắc nhân đạo thể hiện Nhà nước tạo điều kiện cho người phạm tội tự cải tạo, làm lại cuộc đời và có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng. Hình phạt trong pháp luật hình sự không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; ngăn ngừa họ phạm tội mới; giúp họ trở thành công dân có ích cho xã hội;
- + Nguyên tắc hành vi thể hiện Luật Hình sự chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi thoả mãn các dấu hiệu của tội phạm, không cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người về tư tưởng của họ.
- + Nguyên tắc lỗi thể hiện một người chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi họ có lỗi đối với hành vi của mình. Những trường hợp không có lỗi thì không bị coi là tội phạm.

► **Nhiệm vụ 7. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.

b. Nội dung: HS đọc các trường hợp trong mục 3 CĐHT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp để trả lời câu hỏi:

Câu hỏi trường hợp 1:

+ Theo em, hành vi của A đã để lại những hậu quả gì?

+ Là HS trung học phổ thông, em nên có thái độ như thế nào đối với tội phạm trong đời sống hằng ngày?

Câu hỏi trường hợp 2: Em đồng tình với ý kiến của C hay B? Tại sao? Kể những hậu quả của một số tội phạm phổ biến.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS làm việc.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi một vài HS trình bày ý kiến của mình. Các bạn khác bổ sung ý kiến.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

Hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong đời sống có thể dẫn tới các hậu quả như gây thiệt hại về thân thể, vật chất, danh dự, nhân phẩm và làm rối loạn trật tự, kỉ cương xã hội,...

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► *Nhiệm vụ 1. Thảo luận cùng bạn và cho biết ý kiến về các phát biểu*

a. Mục tiêu: HS sử dụng được kiến thức về các nguyên tắc của pháp luật hình sự để trả lời câu hỏi và giải thích.

b. Nội dung: HS theo dõi câu hỏi tại mục 1 phần luyện tập trong CĐHT.

c. Sản phẩm: HS cho được ý kiến về các phát biểu và giải thích.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các phát biểu và cho biết ý kiến.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► *Nhiệm vụ 2. Cho biết nguyên tắc nào của pháp luật hình sự được áp dụng trong các trường hợp*

a. Mục tiêu: HS xác định được nguyên tắc nào của pháp luật hình sự được áp dụng.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS xác định được nguyên tắc của pháp luật hình sự được áp dụng trong các trường hợp.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp theo yêu cầu để xác định nguyên tắc của pháp luật hình sự nào được áp dụng.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và xác định nguyên tắc áp dụng.

– Báo cáo thảo luận: GV mời 5 HS trả lời, HS còn lại nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS xác định nguyên tắc áp dụng trong từng trường hợp.

► *Nhiệm vụ 3. Xác định trường hợp nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự và giải thích lí do*

a. Mục tiêu: HS cho biết được trường hợp nào phải chịu trách nhiệm hình sự.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp và trả lời trường hợp nào phải chịu trách nhiệm hình sự. Vì sao?

c. Sản phẩm: Câu trả lời và giải thích của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, đọc các trường hợp theo yêu cầu để xác định trường hợp nào phải chịu trách nhiệm hình sự.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc các trường hợp và xác định trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự.

– Báo cáo thảo luận: GV mời 4 HS trả lời, HS còn lại nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS xác định trường hợp b, c phải chịu trách nhiệm hình sự.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: Nhận biết được trách nhiệm hình sự.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp trong mục 4, 5 phần luyện tập trong CDHT.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc các trường hợp mục 4, 5 trong CDHT để trả lời câu hỏi:

Nhóm 1, 2 trường hợp 1:

+ Theo em, nhận định của Hội đồng xét xử đang tuân theo nguyên tắc nào trong Luật Hình sự?

+ Em đồng ý với ý kiến nào của 2 bạn A, B? Vì sao?

Nhóm 3, 4 trường hợp 2:

+ Theo em, nguyên tắc mà B đang đề cập là nguyên tắc nào?

+ Em hãy cho biết tại sao B không đồng ý với ý kiến của A.

Nhóm 5, 6 trường hợp 3:

+ Em có đồng ý với cách hiểu của M không? Vì sao?

+ Em sẽ giải thích như thế nào cho M hiểu về trách nhiệm pháp lý từ hành vi của K và P?

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến, kết luận và qua hoạt động khác.

► **Nhiệm vụ 5. Thảo luận cùng bạn và đưa ra nhận xét về những hành vi**

a. Mục tiêu: HS nhận xét được hành vi của các nhân vật.

b. Nội dung: HS thảo luận cùng bạn bè và đưa ra nhận xét về những hành vi của các nhân vật.

c. Sản phẩm: HS nhận xét được hành vi của các nhân vật.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc và thảo luận cùng bạn bè để đưa ra nhận xét.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc và thảo luận cùng bạn bè để đưa ra nhận xét
- Báo cáo thảo luận: GV mời 4 HS đại diện trả lời, HS khác nhận xét, đánh giá.
- Kết luận, nhận định: GV nhận xét từng hành vi của các nhân vật, chốt đáp án và dẫn dắt qua hoạt động khác.

► **Nhiệm vụ 6. Đọc các tình huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được trách nhiệm của HS trong tuyên truyền, vận động mọi người tuân thủ pháp luật hình sự.

b. Nội dung: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi cũng như biết được trách nhiệm của bản thân trong tuyên truyền, vận động mọi người tuân thủ pháp luật hình sự.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống 1 và 2 trong sách chuyên đề và trả lời câu hỏi.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân đọc tình huống và trả lời câu hỏi.
- Báo cáo thảo luận: GV mời 2 HS trả lời câu hỏi của hai tình huống, HS khác lắng nghe và đặt câu hỏi thắc mắc.
- Kết luận, nhận định: GV hỗ trợ để HS tìm ra cách xử lý tốt nhất trong tình huống.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► **Nhiệm vụ 1. Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để cập đến các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam**

a. Mục tiêu: HS viết được một đoạn văn ngắn để cập đến các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

b. Nội dung: Yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn.

c. Sản phẩm: HS viết được một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để cập đến các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để cập đến các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện.

– Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình. Các bạn HS khác nhận xét, góp ý.

– Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của HS khác. GV kết luận, đánh giá.

► **Nhiệm vụ 2. Sưu tầm một vụ việc phạm tội và làm rõ những hậu quả, tác hại của vụ việc đó**

a. Mục tiêu: HS sưu tầm được một vụ việc phạm tội và làm rõ những hậu quả, tác hại của vụ việc đó.

b. Nội dung: HS sưu tầm một vụ việc phạm tội và làm rõ những hậu quả, tác hại của vụ việc đó.

c. Sản phẩm: HS làm rõ được hậu quả và tác hại của một vụ việc phạm tội.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu trong CĐHT để thực hiện nhiệm vụ.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.

– Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI BÀI HỌC

Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

– Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam.

– Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.

– Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự.

– Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.

**BÀI
7**

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI CHưa THÀNH NIÊN PHẠM TỘI (8 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự có liên quan đến người chưa thành niên phạm tội.
- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản thường gặp.
- Nhận được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự.
- Tích cực, chủ động vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nhận được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

- Năng lực điều chỉnh hành vi (Năng lực đặc thù):

- + Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nhận được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự có liên quan đến người chưa thành niên phạm tội. Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản thường gặp.

- + Điều chỉnh hành vi: Nhận được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự.

- + Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Tích cực, chủ động vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật hình sự.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, SGV, Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.*
- Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, giấy A0.

2. Học sinh:

Tài liệu: *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo cảm hứng học tập cho HS; dùng những kiến thức, kỹ năng cần thiết của bản thân để giải thích và kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới. Tạo ra môi trường thuận lợi cho HS, trả lời câu hỏi được đề cập trong phần Mở đầu.

b. Nội dung: HS trả lời được hành vi của A và Th có phải là tội phạm hay không và giải thích vì sao.

c. Sản phẩm: HS trả lời được câu hỏi mà GV đặt ra và kết nối được với nội dung của bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia HS thành các nhóm để nêu ra đáp án của nhóm mình.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá:
 - + GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.
 - + GV dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2. KHÁM PHÁ

►Nhiệm vụ 1. Đọc thông tin và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu:

- Nêu được quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- Giải thích tại sao người dưới 13 tuổi phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong mục a trong CĐHT.

c. Sản phẩm:

- HS biết được quy định của pháp luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- HS giải thích được tại sao pháp luật hình sự quy định người dưới 13 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc đoạn thông tin a trong CĐHT để thực hiện các yêu cầu:
 - + Hãy cho biết quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
 - + Cho biết người dưới 13 tuổi có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không. Giải thích vì sao.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.
- Tổ chức, điều hành: GV mời 2 – 3 HS trả lời.
- Kết luận, đánh giá: GV kết luận, dẫn dắt HS chuyển sang hoạt động tiếp theo.

– Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

- + Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.
- + Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015.

►Nhiệm vụ 2. Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu:

- Biết được các nguyên tắc xử lí người chưa thành niên phạm tội.
- Nhận xét, đánh giá được nguyên tắc xử lí người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp đơn giản.
- Xác định được nguyên tắc xử lí người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp đơn giản.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp ở mục b trong CĐHT.

c. Sản phẩm:

- HS biết được các nguyên tắc xử lí người chưa thành niên phạm tội.
- HS nhận xét, đánh giá, xác định được nguyên tắc xử lí người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc đoạn thông tin b trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:
 - + Việc xử lí người chưa thành niên phạm tội tuân theo những nguyên tắc nào?
 - + Vì sao cơ quan điều tra, Toà án ra quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với C và T?

- + Các trường hợp trên đề cập đến nguyên tắc nào khi xử lý người chưa thành niên phạm tội?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV cho 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác bổ sung, nhận xét.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến và chốt ý.

- Nguyên tắc xử lý tội phạm do người chưa thành niên thực hiện tập trung vào 3 nội dung sau:
- + Nguyên tắc chung;
 - + Nguyên tắc áp dụng hình phạt;
 - + Nguyên tắc chuyển hướng xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- Biết được các biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự.
- Phân tích, đánh giá về các biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội trong những trường hợp đơn giản.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp trong mục c CĐHT.

c. Sản phẩm:

- HS biết được các biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội.
- HS phân tích, đánh giá về các biện pháp xử lý người chưa thành niên phạm tội trong những trường hợp đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc đoạn thông tin, trường hợp c trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:
 - + Theo em, có những biện pháp giám sát, giáo dục nào trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự có thể áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội? Các biện pháp đó được quy định như thế nào?
 - + Theo em, tại sao M, K, D lại được áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục nơi cư trú?
 - + Người chưa thành niên phạm tội sẽ bị đưa vào trường giáo dưỡng trong trường hợp nào?
 - + Người chưa thành niên phạm tội có thể được chấm dứt biện pháp giáo dưỡng trước thời hạn không? Nếu có, thì điều kiện như thế nào?

- + Việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên phạm tội đem lại lợi ích gì trong việc giáo dục họ thành công dân tốt cho xã hội?
- + Theo em, tại sao A lại được chấm dứt biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trước thời hạn?
- + Người chưa thành niên phạm tội sẽ áp dụng những hình phạt nào? Những nội dung về hình phạt có thể áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định như thế nào?
- + Toà án áp dụng các hình thức này nhằm mục đích gì?
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một vài nhóm trình bày nội dung thảo luận.
- Kết luận, đánh giá: GV cho các nhóm còn lại nhận xét, chốt ý và dẫn dắt HS qua hoạt động khác.

– Các biện pháp giám sát giáo dục khi miễn trách nhiệm hình sự bao gồm:

- + Khiển trách;
- + Hoà giải tại cộng đồng;
- + Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
- Biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội là giáo dục tại trường giáo dưỡng.
- Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm:
 - + Cảnh cáo;
 - + Phạt tiền;
 - + Cải tạo không giam giữ;
 - + Tù có thời hạn.

► **Nhiệm vụ 4. Đọc thông tin, trường hợp và thực hiện yêu cầu**

a. Mục tiêu:

- Nêu được quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội.
- Phân tích, đánh giá được vấn đề quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp đơn giản.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp trong mục d CĐHT.

c. Sản phẩm:

- HS biết được quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội.

– HS phân tích, đánh giá được vấn đề quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc đoạn thông tin, trường hợp d. trong CĐHT để thực hiện các yêu cầu:

+ Trình bày quy định về giảm mức hình phạt đã tuyên và được tha tù trước thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội.

+ Trình bày quy định về quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

+ Cho biết người dưới 18 tuổi có bị coi là có án tích khi phạm tội không. Giải thích nhận định của em về vấn đề này.

– Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho các nhóm thảo luận.

– Tổ chức, điều hành: GV gọi đại diện các nhóm để trình bày ý kiến của nhóm mình.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV nhận xét các ý kiến, kết luận và qua hoạt động khác.

Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội được thực hiện theo quy định tại các Điều 102, 103, 104, 105, 106, 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, miễn giảm hình phạt, xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội được thực hiện theo quy định tại các Điều 102, 103, 104, 105, 106, 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

►Nhiệm vụ 5. Đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

a. Mục tiêu: Nhận biết được những tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội.

b. Nội dung: HS đọc thông tin, trường hợp trong mục 2 CĐHT.

c. Sản phẩm: HS nhận biết được những tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội thông qua các tình huống đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp 2 trong CĐHT để thực hiện các yêu cầu:

+ Nêu tác hại, hậu quả cho xã hội từ các hành vi vi phạm pháp luật hình sự ở các vụ án nêu trên.

- + Cho biết ý kiến của em về nhận định: Tình hình phạm tội của người chưa thành niên đang ngày càng gia tăng và có xu hướng trẻ hoá.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV dành thời gian từ 3 – 5 phút cho HS làm việc.
- Tổ chức, điều hành: GV gọi một vài HS trình bày ý kiến của mình. Các bạn khác bổ sung ý kiến.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

HS trung học phổ thông nên nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản thường gặp, nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự.

► **Nhiệm vụ 6. Đọc thông tin và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS có thái độ tích cực chủ động, vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

b. Nội dung: HS đọc thông tin trong mục 3 CĐHT.

c. Sản phẩm: Bằng kiến thức đã học, HS xây dựng được thái độ tích cực chủ động, vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm và đọc thông tin trong CĐHT để trả lời các câu hỏi:

- + Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh N phát động Hội thi hùng biện nhằm mục đích gì?
- + Theo em, vì sao phải chủ động, vận động HS chấp hành các quy định của pháp luật hình sự?

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

Là học sinh trung học phổ thông, các em cần có thái độ tích cực chủ động, vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

► **Nhiệm vụ 1. Nhận định về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và giải thích**

a. Mục tiêu: HS sử dụng được kiến thức về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để trả lời câu hỏi và giải thích.

b. Nội dung: HS theo dõi câu hỏi tại mục 1, phần luyện tập trong CĐHT.

c. Sản phẩm: HS trả lời được nhận định đúng là a, b; nhận định sai là c, d.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và thực hiện theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 5 phút chuẩn bị.

- Tổ chức, điều hành: GV gọi 2 – 3 HS trả lời. Các bạn còn lại nhận xét và góp ý.

- Kết luận, đánh giá: GV kết luận.

► **Nhiệm vụ 2. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS xác định được các biện pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội trong các trường hợp đơn giản.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp và trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS sử dụng kiến thức để xác định được các biện pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản.

d. Tổ chức thực hiện:

- HS làm việc cá nhân, đọc trường hợp theo yêu cầu để trả lời các câu hỏi:

+ Toà án có thể miễn trách nhiệm hình sự và quyết định áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục đối với T hay không?

+ Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp khiển trách với N là đúng hay sai? Vì sao?

+ Việc áp dụng biện pháp khiển trách có mang lại hiệu quả giáo dục đối với người chưa thành niên phạm tội không? Vì sao?

+ Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng đối với B đúng hay sai? Vì sao?

+ Theo em, việc áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội có tác dụng như thế nào trong giáo dục, cải tạo họ trở thành công dân có ích?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các trường hợp.

- Báo cáo thảo luận: Một vài nhóm nêu câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, nhận định: GV tổ chức để HS rút ra nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh.

► **Nhiệm vụ 3. Đọc các trường hợp và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu:

- HS giải quyết được vấn đề liên quan đến xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội.

- HS xây dựng được thái độ tích cực trong vận động người chưa thành niên tuân thủ pháp luật hình sự.

b. Nội dung: HS đọc trường hợp và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

– HS sử dụng kiến thức giải quyết được vấn đề xoá án tích đối với người chưa thành niên phạm tội.

– Bằng kiến thức đã học, HS xây dựng được thái độ tích cực vận động người chưa thành niên tuân thủ pháp luật hình sự thông qua việc nhận xét, đánh giá hành vi của người khác.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm và đọc thông tin trong CĐHT để trả lời câu hỏi:

+ Trong phiếu lí lịch tư pháp của Q có được xoá án tích không? Vì sao?

+ Em hãy nhận xét về việc làm của A.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.

– Báo cáo thảo luận: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

– Kết luận, đánh giá: GV kết luận, chốt ý dẫn dắt sang hoạt động khác.

► **Nhiệm vụ 4. Xây dựng và diễn tinh huống ngắn**

a. Mục tiêu: HS thể hiện được thái độ tích cực vận động người chưa thành niên tuân thủ pháp luật hình sự bằng hành vi cụ thể.

b. Nội dung: HS xây dựng và diễn tinh huống theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Tinh huống thể hiện nội dung vận động người chưa thành niên chấp hành quy định của pháp luật hình sự.

d. Tổ chức thực hiện:

– Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong CĐHT và thảo luận theo nhóm để xây dựng tinh huống.

– Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc yêu cầu và thảo luận theo nhóm để xây dựng tinh huống.

– Báo cáo thảo luận: GV mời các nhóm diễn tinh huống đã chuẩn bị. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

– Kết luận, nhận định: GV nhận xét tinh huống của các nhóm, chốt nội dung và dẫn dắt qua hoạt động khác.

► **Nhiệm vụ 5. Đóng vai, xử lý tinh huống và trả lời câu hỏi**

a. Mục tiêu: HS nhận diện được các tinh huống người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự qua đó xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật cho bản thân và người khác.

b. Nội dung: Đóng vai, xử lý tinh huống và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nhận diện được các tinh huống người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự và đưa ra được cách xử sự của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc tình huống trong CĐHT và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lí tình huống đó.
- Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc tình huống và thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lí tình huống.
- Báo cáo thảo luận: HS đọc tình huống, thảo luận theo nhóm để xây dựng kịch bản và sắm vai xử lí tình huống.
- Kết luận, nhận định: GV hỗ trợ để HS tìm ra cách xử lí tốt nhất trong tình huống.

4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

► *Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu một vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội và chia sẻ bài học rút ra từ vụ án đó*

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu được vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội và rút ra được bài học từ vụ án đó.

b. Nội dung: HS tìm hiểu một vụ án về người dưới 18 tuổi phạm tội và chia sẻ bài học rút ra từ vụ án.

c. Sản phẩm: HS tìm hiểu được vụ án thực tế về người dưới 18 tuổi, chia sẻ được bài học từ vụ án đó.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu trong CĐHT để thực hiện nhiệm vụ.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho HS 10 phút chuẩn bị.
- Tổ chức, điều hành: Một vài HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, đánh giá: GV nhận xét và kết luận.

► *Nhiệm vụ 2. Thiết kế tờ gấp pháp luật tuyên truyền với chủ đề “Những tác hại, hậu quả của tội phạm do người chưa thành niên gây ra”*

a. Mục tiêu: HS nhận diện được những tác hại, hậu quả của tội phạm do người chưa thành niên gây ra.

b. Nội dung: Thiết kế một tờ gấp theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: HS trình bày được những tác hại, hậu quả của tội phạm do người chưa thành niên gây ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giao nhiệm vụ: GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận và thiết kế một tờ gấp về nội dung được yêu cầu.
- Thực hiện nhiệm vụ: GV cho thời gian HS thực hiện.
- Tổ chức, điều hành: GV yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm của mình. Các bạn khác nhận xét, góp ý.

- Kết luận, đánh giá: GV cho HS nhận xét về sản phẩm của HS khác. GV kết luận, đánh giá.

IV. ĐÁNH GIÁ CUỐI MÔN HỌC

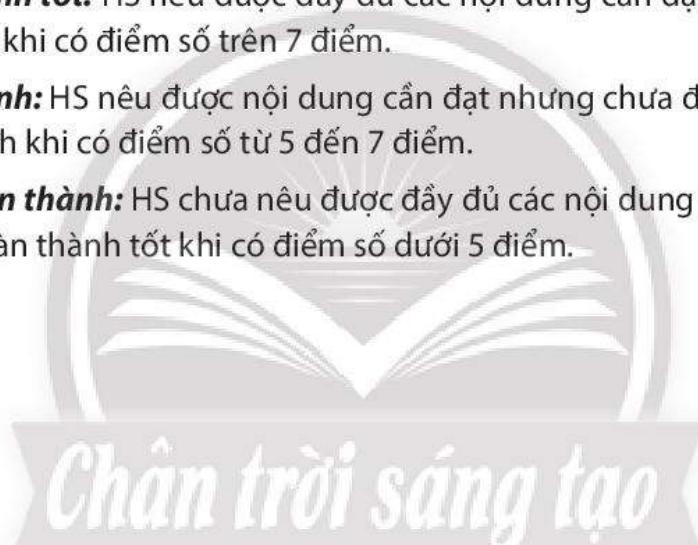
Qua bài kiểm tra, GV quan sát ý thức, thái độ của HS khi thực hiện nhiệm vụ và đánh giá HS dựa trên các mức độ sau:

- Nêu được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự có liên quan đến người chưa thành niên phạm tội.
- Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên phạm tội trong các tình huống đơn giản thường gặp.
- Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự.
- Tích cực, chủ động vận động người chưa thành niên chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.

1. Hoàn thành tốt: HS nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 7 điểm.

2. Hoàn thành: HS nêu được nội dung cần đạt nhưng chưa đầy đủ. Đánh giá HS ở mức hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.

3. Chưa hoàn thành: HS chưa nêu được đầy đủ các nội dung cần đạt. Đánh giá HS ở mức chưa hoàn thành tốt khi có điểm số dưới 5 điểm.



Chân trời sáng tạo

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – TRẦN LÊ NHẤT TÚ

Biên tập kĩ – mĩ thuật: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Thiết kế sách: HUỲNH THỊ TRÚC LINH

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: PHAN ANH TUẤN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 – SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HGXY002M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/38-708/GD

Số QĐXB:ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-32763-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|--|
| 1. NGỮ VĂN 10, TẬP MỘT - Sách giáo viên | 13. VẬT LÝ 10 - Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 10, TẬP HAI - Sách giáo viên | 14. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP VẬT LÝ 10 - Sách giáo viên |
| 3. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 - Sách giáo viên | 15. HÓA HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 4. TOÁN 10 - Sách giáo viên | 16. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP HÓA HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 5. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP TOÁN 10 - Sách giáo viên | 17. SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 6. TIẾNG ANH 10
Friends Global - Teacher's Guide | 18. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 19. ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 8. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 20. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 9. ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 21. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1) - Sách giáo viên |
| 10. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 22. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2) - Sách giáo viên |
| 11. GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | 23. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 -
Sách giáo viên |
| 12. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem
để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>
và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.



ISBN 978-604-0-32763-5



9 786040 327635

Giá: 19.000 đ